

Số: 47/QĐ-TTKĐKN

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022
của Trung tâm Kiểm định và Kiểm nghiệm

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH VÀ KIỂM NGHIỆM

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 158/QĐ-SKHHCN ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Tháp về việc ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kiểm định và Kiểm nghiệm;

Căn cứ Thông báo số 1264a/TB-SKHHCN ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ về thẩm định quyết toán ngân sách năm 2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 của Trung tâm Kiểm định và Kiểm nghiệm Đồng Tháp.

(Kèm theo biểu tổng hợp quyết toán thu – chi nguồn NSNN)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính tổng hợp, Kế toán trưởng và các Trưởng phòng thuộc Trung tâm Kiểm định và Kiểm nghiệm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở KH&CN;
- Sở Tài chính;
- Trang TTĐT Trung tâm KĐ&KN;
- VC, NLĐ Trung tâm KĐ&KN (biết);
- Lưu VT, KT_{Hương}.



Nguyễn Hồng Thắng

SỐ QUẢN LÝ: 123456789

QUẢN LÝ

Việc quản lý tài sản của trường được thực hiện theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của trường.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH

Trường Đại học Kinh tế và Quản lý Kinh doanh (Trường) được thành lập theo Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Trường có trụ sở tại số 130 Đường số 130, Phường Đồng Tâm, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Trường Đại học Kinh tế và Quản lý Kinh doanh (Trường) được thành lập theo Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Trường có trụ sở tại số 130 Đường số 130, Phường Đồng Tâm, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Trường Đại học Kinh tế và Quản lý Kinh doanh (Trường) được thành lập theo Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Trường có trụ sở tại số 130 Đường số 130, Phường Đồng Tâm, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Trường Đại học Kinh tế và Quản lý Kinh doanh (Trường) được thành lập theo Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Trường có trụ sở tại số 130 Đường số 130, Phường Đồng Tâm, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

QUẢN LÝ

Trường Đại học Kinh tế và Quản lý Kinh doanh (Trường) được thành lập theo Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Trường có trụ sở tại số 130 Đường số 130, Phường Đồng Tâm, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Trường Đại học Kinh tế và Quản lý Kinh doanh (Trường) được thành lập theo Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Trường có trụ sở tại số 130 Đường số 130, Phường Đồng Tâm, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH
HỒ CHÍ MINH, ĐƯỜNG SỐ 130, QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC năm 2022

(Kèm theo Quyết định số 47/QĐ-TTKĐKN ngày 22/6/2023
 của Trung tâm Kiểm định và Kiểm nghiệm Đồng Tháp)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	2.247.138.071	2.247.138.071	0	
I	Nguồn ngân sách trong nước	2.247.138.071	2.247.138.071	0	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	2.247.138.071	2.247.138.071	0	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	2.247.138.071	2.247.138.071	0	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				